

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG BỒ TÁT TẶNG
VĂN THÙ SỰ LỢI CĂN BẢN NGHI QUỸ
QUYỀN THỨ HAI

TỰA
PHẨM THỨ NHẤT CHI HAI_

Bấy giờ, Bồ Tát **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) bảo chúng Minh Vương của mình rằng: “Các ông hôm nay tập hội ở chỗ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Trời Tịnh Quang. Nay Minh Vương này có đủ tướng phần nộ cùng với hàng **Ma Hạ Nỗ Đễ** (Mahā-dūti: Đại Sứ Giả Nữ) phụng Giáo Sắc ấy, đều đem quyền thuộc, trong khoảng một niệm đều đến tập hội. Ấy là: **Tối Thượng Minh Vương** (Vidyottama-vidya-rāja), **Hữu Minh Minh Vương** (Suvidya), **Năng Thành Tụ Minh Vương** (Susiddha), **Diệu Tý Minh Vương** (Subāhu), **Thắng Quân Minh Vương** (Suṣeṇa), **Ly Dục Minh Vương** (Surāntaka), **Ái Lạc Minh Vương** (Surada), **Viên Mãn Minh Vương** (Supūrṇa), **Kim Cương Quân Minh Vương** (Vajra-sena), **Năng Kim Cương Minh Vương** (Suvajra), **Kim Cương Tác Minh Vương** (Vajrakara), **Kim Cương Tý Minh Vương** (Vajrabāhu), **Kim Cương Thủ Minh Vương** (Vajra-hasta), **Kim Cương Tràng Minh Vương** (Vajra-dhvaja), **Kim Cương Phan Minh Vương** (vajra-patāka), **Kim Cương Phong Đỉnh Minh Vương** (Vajra-śikhara), **Kim Cương Đỉnh Minh Vương** (Vajra-śikha), **Kim Cương Nha Minh Vương** (Vajra-damṣṭra), **Kim Cương Thanh Tịnh Minh Vương** (Śuddha-vajra), **Kim Cương Mao Minh Vương** (Vajra-roma), **Kim Cương Tập Minh Vương** (Vajra-saṃhata), **Kim Cương Điện Minh Vương** (Vajrānana), **Kim Cương Y Giáp Minh Vương** (Vajra-kavaca), **Kim Cương Cảnh Minh Vương** (Vajra-grīva), **Kim Cương Ưc Minh Vương** (Vajra-), **Kim Cương Tê Minh Vương** (Vajra-nābhi), **Kim Cương Năng Minh Vương** (Vajrānta), **Kim Cương Trường Minh Vương** (Vajra-pañjara:Kim Cương Vông), **Kim Cương Cung Thành Minh Vương** (Vajra-prākāra), **Kim Cương Khí Trượng Minh Vương** (Vajrāsu?Vajrayudha), **Kim Cương Cung Minh Vương** (Vajra-dhanu), **Kim Cương Tiền Minh Vương** (Vajra-śara), **Kim Cương Năng La Tả Minh Vương** (Vajra-nārāca), **Kim Cương Câu Minh Vương** (Vajrāṅka ?Vajrāṅkuśa), **Kim Cương Tỏa Minh Vương** (Vajra-sphoṭa), **Kim Cương Địa Minh Vương** (Vajra-pātāla), **Kim Cương Phần Nộ Nhân Minh Vương** (Vajra-bhairava-netra), **Kim Cương Phần Nộ Minh Vương** (Vajra-krodha), **Nhạ Nan Đa Thấp Phộc La Minh Vương** (Jalānantaścara), **Bộ Đát La Thấp Phộc La Minh Vương** (Bhūtāntaścara), **Mãn Đà Nan Đa Thấp Phộc La Minh Vương** (Gandha-nānantaścara), **Ma Hạ Mông Lỗ Đát Đa Thấp Phộc La Minh Vương** (Mahā-krodhāntaścara), **Ma Hứ Thấp Phộc La Đát Thấp Phộc La Minh Vương** (Maheśvarāntaścara), **Nan Năng Phệ Nại La Đa Thấp Phộc La Minh Vương** (Daṇḍa-vidrāntaścara), **Tát Lý Phộc Vĩ Nễ Dã Đá Thấp Phộc La Minh Vương** (Sarva-vidyāntaścara), **Cụ La Minh Vương** (Ghora), **Tô Cụ La Minh Vương** (Sughora), **Sát Ba Minh Vương** (Kṣepa), **Ổ Sát Ba Minh Vương** (Upakṣepa), **Bá Na Nễ Sát Ba Minh Vương** (Padani-kṣepa), **Vĩ Na Dã Kiến Đá Sát Ba Minh Vương** (Vināyakānta-kṣepa), **Tô Vĩ Đát Dã Sa Sát Ba Minh Vương** (Savinyāsa-kṣepa), **Ổ Sô Sát Ma Sát Ba Minh Vương** (Utkṛṣṭa-kṣepa), **Mạt La Minh Vương** (Bala), **Mạt Hạ**

Mạt La Minh Vương (Mahā-bala), **Bà La Ma La Minh Vương** (Bhramara), **Bộ Lăng Nga Lý Trí Minh Vương** (Bhṛṅgiriṭi), **Cốt Lỗ Đà Minh Vương** (Krodha), **Ma Hạ Cốt Lỗ Đà Minh Vương** (Mahā-krodha), **A Nhạ Nga La Minh Vương** (Ajagara), **Nhập Phộc La Thú Sa Minh Vương** (Jvara-śoṣa), **Năng Hiền Đá Minh Vương** (Nāgānta), **Nan Noa Minh Vương** (Daṇḍa), **Nễ La Nan Noa Minh Vương** (Nīla-daṇḍa), **A Nga Na Minh Vương** (Aṅgada), **La Câu Nga Minh Vương** (Raktāṅga), **Phộc Nhật La Nan Noa Minh Vương** (Vajra-daṇḍa), **Di Già Minh Vương** (Medhya), **Ma Hạ Di Già Minh Vương** (Mahā-medhya), **Ca La Minh Vương** (Kāla), **Ca La Câu Tra Minh Vương** (Kāla-kūṭa), **Thất Chế Đát La Minh Vương** (Śvitra), **Lỗ Nga Minh Vương** (Roma), **Tát Lý Phộc Bộ Đa Minh Vương** (Sarva-bhūta), **Tán Sát Bát Ca Minh Vương** (Saṃkṣaya), **Thú La Minh Vương** (Sūla), **Ma Hạ Thú La Minh Vương** (Mahā-sūla), **A Lý Đế Minh Vương** (Arti), **Ma Hạ A Lý Đế Minh Vương** (Mahārti), **Dạ Ma Minh Vương** (Yama), **Phệ Phộc Thấp Phộc Đá Minh Vương** (Vaivasvata), **Dụ Hiền Đá Ca La Minh Vương** (Yugānta-kara), **Cật Lý Sắt Noa Ba Xoa Minh Vương** (Kṛṣṇa-pakṣa), **Cụ La Minh Vương** (Ghora), **Cụ La Lỗ Bế Minh Vương** (Ghora-rūpī), **Bán Trí Sa Minh Vương** (Paṭṭisa), **Đô Ma La Minh Vương** (Tomara), **Nga Na Minh Vương** (Gada), **Bát La Ma Tha Năng Minh Vương** (Pramathana), **Nga La Sa Năng Minh Vương** (Grasana), **Tăng Hạ La Minh Vương** (Saṃsāra), **A Lý Ca Minh Vương** (Araha), **Dụ Hiền Đá Lý Ca Minh Vương** (Yugāntārka), **Bát La Noa Hạ La Minh Vương** (Prāṇahara), **Thiệt Đát Lỗ Cận Năng Minh Vương** (Śakraghna), **Nĩ Phệ Sa Minh Vương** (Dveṣa), **A Ma Lý Sa Minh Vương** (Āmarṣa), **Tịnh Bình Minh Vương** (Sukunḍali), **Cam Lộ Bình Minh Vương** (Amṛta-kunḍali), **Vô Biên Bình Minh Vương** (Ananta-kunḍali), **Bảo Bình Minh Vương** (Ratna-kunḍali), **Tý Minh Vương** (Bāhu), **Đại Tý Minh Vương** (Mahā-bāhu), **Ma Hạ Lỗ Nga Minh Vương** (Mahā-roga), **Nỗ Sắt Tra Minh Vương** (Duṣṭa), **Tát Lý Ba Minh Vương** (Sarpa), **Vĩ Tát Lý Ba Minh Vương** (Vasarpa), **Câu Sắt Xá Minh Vương** (Kuṣṭha), **Nhạ Dã Nại La Tha Minh Vương** (Upadrava), **Vĩ Nại La Phộc Ca Minh Vương** (Vidravaka), **Bà Xoa Ca Minh Vương** (Bhakṣaka), **A Đát Lý Bát Đa Minh Vương** (Aṭṭpta), **Ổ Sô Ma Minh Vương** (Ucchuṣya).... Minh Vương như vậy hiện đại phần nộ, bên trong hàm chứa **Từ Nhân**, giáng phục hữu tình khiến tin Phật Pháp, dứt trừ tai hại, tăng ích tốt lành. Cũng có trăm ngàn na do tha câu chi quyền thuộc đồng đến chỗ của Đức Phật, đỉnh lễ, chiêm ngưỡng Đức Thích Ca Mâu Ni với Diệu Cát Tường Đồng Tử xong, lại lễ Kim Cương Thủ Bồ Tát, rồi an lành ngồi ngay trong Đại Chúng

Lại Kim Cương Thủ Bồ Tát này lại có Đại Minh Vương của nhóm **Đại Cam Lộ Nỗ Đát-Dã** (Mahā-Amṛta-dutyo) luôn gần gũi theo hầu, khéo hay quán sát Tự Tính của Pháp Giới như hư không không có ngăn ngại, cũng cùng với trăm ngàn na do tha quyền thuộc đi đến chỗ của Phật. Ấy là: **Bảo Đới Minh Vương** (Mekhala), **Diệu Đới Minh Vương** (Sumeckhalā), **Kim Cương Tỏa Minh Vương** (Vaja-siṅkalā), **Kim Cương Hào Minh Vương** (Vajrārṇa ?Vajra-Ūrṇa), **Kim Cương Thiệt Minh Vương** (Vajra-jihva), **Kim Cương My Minh Vương** (Vajra-bhrū), **Kim Cương Nhãn Minh Vương** (Vajra-locana), **Kim Cương Thân Minh Vương** (Vajrāṃsa), **Kim Cương Tàn Túc Minh Vương** (Vajra-bhr̥kuṭī), **Kim Cương Nhĩ Minh Vương** (Vajrasravaṇa), **Kim Cương Lệ Khư Minh Vương** (Vajra-lekhā), **Kim Cương Châm Minh Vương** (Vajra-sūci), **Kim Cương Quyền Minh Vương** (Vajra-muṣṭi), **Kim Cương Câu Minh Vương** (Vajrāṅkuṣī), **Kim Cương Y Minh Vương** (Vajra-śāṭī), **Kim Cương Bạc Minh Vương** (Vajrāsani), **Kim Cương Sách Minh Vương** (Vajra-śṛṅkhalā: Kim Cương Liên Tỏa), **Xá La Minh Vương** (Sāla), **Phộc Đế Xá La Minh Vương** (Vatī-sāla), **Vĩ La Trí Minh**

Vương (Viratī), **Phộc La Trí Minh Vương** (Varatī), **Ca Nhĩ Nễ Minh Vương** (Kāminī), **Ca Ma Phộc-Lý Ni Minh Vương** (Kāma-vajriṇī), **Bát Thế Ca Minh Vương** (Paśyikā), **Bát Thế Nễ Minh Vương** (Paśyinī), **Ma Hạ Bát Thế Nễ Minh Vương** (Mahā-paśyinī), **Thế Khur La Phộc Tất Nễ Minh Vương** (Śikhara-vāsinī), **Bí Mật Minh Vương** (Guhya), **Mật Ý Minh Vương** (Guhya-mano), **Mật Trụ Minh Vương** (Grahilā), **Môn Trụ Minh Vương** (Dvāra-vāsinī), **Dục Kim Cương Minh Vương** (Kāma-vajriṇī), **Ý Tốc Minh Vương** (Manojavā), **Cực Tốc Minh Vương** (Atijavā), **Cấp Tốc Minh Vương** (Śīghra-javā), **Diệu Nhân Minh Vương** (Sulocanā), **Đại Thiên Minh Vương** (Surasavatī), **Bà Ma Nễ Minh Vương** (Bhramarī), **Bà La Ma Nễ Minh Vương** (Bhrāmarī), **Viễn Hành Minh Vương** (Yātrā), **Thành Tựu Minh Vương** (Siddhā), **Vô Phong Minh Vương** (Anilā), **Trường Phát Minh Vương** (Pūrā-keśinī), **Bạn Noa Nễ Minh Vương** (Hiṇḍinī), **Đát Lý Nhạ Nễ Minh Vương** (Tarjinī), **Nỗ Đế Minh Vương** (Dūtī), **Bà Nỗ Đế Minh Vương** (Sudūtī), **Ma Ma Kế Minh Vương** (Māmakī), **Phộc Ma Nễ Minh Vương** (Vāmanī), **Lỗ Bế Ni Minh Vương** (Rūpiṇī), **Lỗ Ba Phộc Đế Minh Vương** (Rūpavatī), **Thắng Minh Vương** (Jayā), **Tối Thắng Minh Vương** (Vijayā), **Vô Năng Thắng Minh Vương** (Aparājitā), **Tăng Ích Minh Vương** (Śreyasi), **Hoan Hỷ Minh Vương** (Hāsinī), **Hỷ Kim Cương Minh Vương** (Hāsa-vajriṇī), **Đại Thế Minh Vương** (Loka-vatī), **Xứng Ý Minh Vương** (Yasavatī), **Đại Kim Cương Minh Vương** (Kuliśa-vatī), **Diệu Thọ Minh Vương** (Adāntā), **Tam Thế Minh Vương** (Trailokya), **Kính Ái Minh Vương** (Vasāṅkarī), **Trượng Minh Vương** (Daṇḍā), **Đại Trượng Minh Vương** (Mahā-daṇḍā), **Thiện Ngôn Minh Vương** (Priyavādinī), **Đại Ái Kính Minh Vương** (Saubhāgyavatī), **Đại Tài Minh Vương** (Arthavatī), **Đại Nghĩa Minh Vương** (Mahānarthā), **Đích Để Lý Minh Vương** (Tittirī), **Tài Lực Đích Để Lý Minh Vương** (Dhavalā-tittirī), **Bạch Minh Vương** (Dhavalā), **Năng Hóa Minh Vương** (Sunirmitā), **Diệu Thanh Tịnh Minh Vương** (Sunirmalā), **Chung Minh Vương** (Ghaṇṭā), **Kiểm Lợi Minh Vương** (Khaḍga-paṭṭisā), **Năng Châm Minh Vương** (Sūcī), **Đắc Thanh Minh Vương** (), **Diệu Y Minh Vương** (), **Nhu Nhuyễn Minh Vương** (), **Thâm Nhuyễn Minh Vương** (Jayatī avarā nirmitā nāyikā), **Bí Mật Chủ Minh Vương** (Guhyakī), **Chượng Ngại Minh Vương** (Visrambhikā), **Xử Minh Vương** (Musalā)... như vậy nhóm **Giáng Nhất Thiết Bộ Đa** (Sarva-bhūṭava-śaṅkarī) **Đại Nỗ Đát-Dã Minh Vương** (Mahā-dūtya-vidya-rāja) cùng với vô số chúng **Nỗ Đế** (Dūti) quyền thuộc đều đến tập hội

Lại có vô số **Đà La Ni** (Dhāraṇī) chính ý khéo quán tướng **Tam Ma Địa**, điều phục chúng sinh, đoạn trừ các ác. Ấy là: **Kim Cương Hỏa Mê Hoặc Đà La Ni** (**Vajrānala-pramohanī-dhāraṇī**), **Diệu Đỉnh Lô Các Đà La Ni** (Meru-śikhara-kūṭāgāra), **Đại Tài Đà La Ni** (Mahā-dhana), **Bảo Sơn Lô Các Đà La Ni** (Ratna-śikhara-kūṭāgāra), **Diệu Tích Đà La Ni** (Sukūṭā), **Đa Tích Đà La Ni** (Bahu-kūṭā), **Hoa Tích Đà La Ni** (Puṣpa-kūṭā), **Nan Noa Đà La Ni** (Daṇḍa), **Nễ Nga La Hạ Đà La Ni** (Nigraha), **A Lý Ca Sa Noa Đà La Ni** (Ākarṣaṇa), **Kế Dụ La Đà La Ni** (Keyūrā), **Kế Dụ La Phộc Đế Đà La Ni** (Keyūra-vatī), **Đặc Phộc Nhạ Nga La Đà La Ni** (Dhvajāgra-keyūrā), **La Đát Năng Nga La Kế Dụ La Đà La Ni** (Ratnāgra-keyūrā), **Lộ Ca Nga La Kế Dụ La Đà La Ni** (Lokāgra-keyūrā), **Bát Đa Ca Nga La Kế Dụ La Đà La Ni** (Patāgra-keyūrā), **Đát Lý Bát Lý Phộc Lý Đá Đà La Ni** (Viparivartā), **Lộ Ca Phộc Lý Đá Đà La Ni** (Lokāvartā), **Sa Hạ Sa La Phộc Lý Đá Đà La Ni** (Sahasrāvartā), **Phệ Phộc Thấp Phộc Đá Phộc Lý Đá Đà La Ni** (Vivasvāvartā), **Tát Lý Phộc Bộ Đá Phộc Lý Đá Đà La Ni** (Sarva-bhūṭāvartā), **Kế Đô Phộc Đế Đà La Ni** (Ketu-vatī), **La Đát năng Phộc Đế Đà La Ni** (Ratna-vatī), **Ma Ni La Đát Năng Tổ**

Noa Đà La Ni (Maṇi-ratna-cūḍā), **Giác Chi Đại Lực** Đà La Ni (Bodhyagā-balavatī), **Vô Biên Tràng** Đà La Ni (Ananta-keṭu), **Phổ Tràng** Đà La Ni (Samanta-keṭu), **Bảo Tràng** Đà La Ni (Ratna-keṭu), **Danh Xung Tràng** Đà La Ni (Vikhyāta-keṭu), **Nhất Thiết Bộ Đa Tràng** Đà La Ni (Sarva-bhūta-keṭu), **A Nhĩ La Phộc Đễ** Đà La Ni (Ajiravatī), **Án Ma La** Đà La Ni (Asvarā), **Diệu Thanh Tịnh** Đà La Ni (Sunirmalā), **Lục Diện** Đà La Ni (Ṣaṇmukhā), **Vô Cấu** Đà La Ni (Vimalā)... Vô số Đà La Ni của nhóm **Thế Xung Đà La Ni** (Lokākhyā-dhāraṇī) như vậy lại có trăm ngàn câu chi Đà La Ni dùng làm quyển thuộc, được **Vô Biên Phật Đại Uy Đức Đại Bồ Tát Tam Ma Địa** (Ananta-buddhādhiṣṭhāna-mahābodhisatva-samādhī) đều đến Phật Hội

Lại có cõi Phật không có **Đại Giác Thế Tôn** chỉ có chúng Thánh **Bích Chi** (Pratyeka-buddha), miệng có nanh kiếm, trụ ở đời trải qua Kiếp, vì các chúng sinh luân hồi sinh tử mà khởi **Đại Bi** (Mahā-kāraṇa) giải nói con mắt Pháp (Dharma-cakṣu: Pháp Nhãn) khiến co ý lặng yên, sau đó lại hồi Tâm quán sát **Bồ Đề** (Bodhi). Lại quán nỗi khổ ngăn che của nghiệp quá khứ, được vào **Nhất Địa** (Eka-bhūmi), **Nhị Địa** (Dvi-bhūmi), **Tam Địa** (Tri-bhūmi), **Tứ Địa** (Catur-bhūmi) cho đến địa vị chẳng thoái lùi của **Bát Địa** (Aṣṭa-bhūmi), chặt đứt hẳn luân hồi, chẳng thọ nhận mọi khổ... cùng với các Đò Chúng đều đến chỗ của Đức Phật. Ấy là: **Hương Tụy Bích Chi Phật** (Gandhamādhā), **Phổ Xứ Bích Chi Phật** (Simantāyatana), **Phổ Quang Bích Chi Phật** (Samanta-prabha), **Xa Bích Chi Phật** (Candana), **Thời Bích Chi Phật** (Kāla), **Nễ Di Bích Chi Phật** (Nemi), **Ổ Ba Nễ Nhĩ Bích Chi Phật** (Upanemi), **Hoan Hỷ Bích Chi Phật** (Riṣṭa), **Thâm Hỷ Bích Chi Phật** (Upariṣṭa), **Ổ Ba Lý Bích Chi Phật** (Upāriṣṭa), **Tát Bá Lý Thấp Phộc Bích Chi Phật** (pārśva), **Tô Bá Lý Thấp Phộc Bích Chi Phật** (Supārśva), **Cổ Bích Chi Phật** (Dundubhi), **Xúng Thế Bích Chi Phật** (Lokākhyā), **Thế Quang Bích Chi Phật** (Loka-prabha), **Đắc Thắng Bích Chi Phật** (Jayanta), **Sào Trần Bích Chi Phật** (Areṇu), **Trần Bích Chi Phật** (Reṇu), **Vi Trần Bích Chi Phật** (Upareṇu), **Phần Bích Chi Phật** (Aṃśa), **Cực Phần Bích Chi Phật** (Upāṃśa), **Tiêu Xí Bích Chi Phật** (Cihna), **Diệu Xí Bích Chi Phật** (Suciḥna), **Nhật Quang Bích Chi Phật** (Dinakara), **Diệu Tác Quang Minh Bích Chi Phật** (Sukara-prabha), **Quang Chiếu Bích Chi Phật** (Prabhākara), **Minh Chiếu Bích Chi Phật** (Lokakara:Thế Tác), **Thiện Văn Bích Chi Phật** (Viśruta), **Diệu Văn Bích Chi Phật** (Suśruta), **Ái Lạc Bích Chi Phật** (Sukānta), **Thiện Năng Điều Bích Chi Phật** (Sudhānta), **Vô Biên Xứ Bích Chi Phật** (Adantānta), **Đoạn Luân Hồi Bích Chi Phật** (Bhavānta), **Bạch Tràng Bích Chi Phật** (Sita-keṭu), **Tiêu Xí Tràng Bích Chi Phật** (Jihma-keṭu), **Diệu Tràng Bích Chi Phật** (Upaketu), **Đễ Sa Bích Chi Phật** (Tathya), **Tối Thượng Liên Hoa Bích Chi Phật** (Padmahara), **Liên Hoa Sinh Bích Chi Phật** (Padma-sambhava), **Vị Tăng Hữu Bích Chi Phật** (Svayambhu), **Diệu Trí Bích Chi Phật** (Adbhuta), **Ý Bích Chi Phật** (Manoja), **Đại Vương Bích Chi Phật** (Mahendu), **Đại Tích Bích Chi Phật** (Kūṭākhyā), **Bảo Bình Bích Chi Phật** (Kumbha), **Toàn Nhân Bích Chi Phật** (Sakalākhyā), **Thiện Tác Bích Chi Phật** (Sukara), **Thâm Thiện Tác Bích Chi Phật** (Upakara), **Tự Tức Bích Chi Phật** (Śānta), **Thiện Ý Bích Chi Phật** (Śānta-mānasa), **Pháp Bích Chi Phật** (Dharma), **Diệu Pháp Bích Chi Phật** (Upadharmā), **Biển Chiếu Bích Chi Phật** (Vairocana), **Hoa Bích Chi Phật** (Kusuma), **Đại Thanh Bích Chi Phật** (Sulīla), **Tăng Ích Bích Chi Phật** (Śreyam), **Quyển Thuộc Bích Chi Phật** (Parivāra), **Viễn Ly Bích Chi Phật** (Vadyaharāntaka), **Nan Nhẫn Bích Chi Phật** (Duḥprasaha), **Kim Bích Chi Phật** (Kanaka), **Vô Cấu Bích Chi Phật** (Vimala), **Tràng Bích Chi Phật** (Ketu), **Nguyệt Bích Chi Phật** (Soma), **Diệu Nguyệt Bích Chi Phật** (Susoma), **Quân Bích Chi Phật** (Sena), **Thắng Quân Bích Chi Phật** (Susena), **Đế Thích Bích Chi Phật** (?Sucīrṇa śukra: Cực Hành

Kim Tinh), **Thiên Vương** Bích Chi Phật (? Kratu iṣṭa: Năng Lực Phụng Hiến), **Na La Diên** Bích Chi Phật (Upendra vasu: Thần Hiệu của Viṣṇu)... Nhóm như vậy có trăm ngàn na do tha câu chi Bích Chi Phật, trụ **Bất Khả Tư Nghị Vô Đẳng Vô Nguyên Pháp Giới** (Acintyātulyāpraṇihita-dharma-dhātu), **Tự Tính** (Svabhāva) không có ngăn ngại giống như hư không, nhập vào **Thật Hạnh** (Saṃskṛta) của **Trung Thừa** (Madhya-yāna)... đều đến chỗ tập hội của Đức Phật Thích Ca, nghe Pháp

Lại có vô số trăm ngàn câu chi **Tôn Giả** (Sthavira), chúng **Đại Thanh Văn** (mahā-śrāvaka) cùng với quyến thuộc. Ấy là: **Đại Ca Diệp** Tôn Giả (Mahā-kāśyapa), **Già Gia Ca Diệp** Tôn Giả (Gayā-kāśyapa), **Ưu Lưu Tần Loa Ca Diệp** Tôn Giả (Duravikṣo-kāśyapa ? Uruvilvā-Kāśyapa), **Pha La Đọa Nhạ** Tôn Giả (Bharadvāja), **Tần Đầu Lô** Tôn Giả (Vinḍola), **Phộc La Nại Phộc Nhạ** Tôn Giả (Bhara-dhvaja), **Mục Kiền Liên** Tôn Giả (Maudgalyāyana), **Đại Mục Kiền Liên** Tôn Giả (Mahā-maudgalyāyana), **Xá Lợi Tử** Tôn Giả (Śāriputra), **Đại xá Lợi Tử** Tôn Giả (Mahā-śāriputra), **Tu Bồ Đề** Tôn Giả (Subhūti), **Đại Tu Bồ Đề** Tôn Giả (Mahā-subhūti), **Kiều Phạm Ba Đề** Tôn Giả (Gavāmpati), **Ca Đa Diễn Năng** Tôn Giả (Kātyāyana), **Đại Ca Đa Diễn Năng** Tôn Giả (Mahā-kātyāyana), **Ưu Ba Ly** Tôn Giả (Upālī), **Ba Nại Lý Ca** Tôn Giả (Bhadrika), **Yết Tân Na** Tôn Giả (Kaphiṇa), **Nan Đà** Tôn Giả (Nanda), **A Nan Đà** Tôn Giả (Ānanda), **Tôn Đà La Nan Đà** Tôn Giả (Sundarananda), **Ồ Ba Nan Đà** Tôn Giả (Upananda), **Lộ Ca Bộ Đa** Tôn Giả (Lokabhūta), **Ma Lý Ngu Ca** Tôn Giả (Varṇaka), **Ồ Ba Ma Lý Ngu Ca** Tôn Giả (Upavarṇaka), **Nan Nễ Ca** Tôn Giả (Nandika), **Ồ Ba Nan Nễ Ca** Tôn Giả (Upanandika), **A Nậu Lâu Đà** Tôn Giả (Aniruddha), **Bố La Noa** Tôn Giả (Pūrṇa), **Tam Bố La Noa** Tôn Giả (Supūrṇa), **Ồ Ba Bố La Noa** Tôn Giả (Upapūrṇa), **Đề Sái** Tôn Giả (Tiṣya), **Bố Năng Lý Phộc Tô** Tôn Giả (Punarvasu), **Lỗ Lỗ** Tôn Giả (Rūha), **Lao Nại La Ca** Tôn Giả (Raudraka), **Lao La Phộc** Tôn Giả (Raurava), **Câu Lỗ Bán Túc Ca** Tôn Giả (Kuru-pañcika), **Ồ Ba Bán Túc Ca** Tôn Giả (Upapañcika), **Ca La** Tôn Giả (Kāla), **Tô Ca La** Tôn Giả (Sukāla), **Lý Phộc Na** Tôn Giả (Devala), **La Hộ La** Tôn Giả (Rāhula), **Hạ Lý Đa** Tôn Giả (Harita), **Ồ Ba Hạ Lý Đa** Tôn Giả (Upaharita), **Đạt Dã Năng** Tôn Giả (Dhyāyi), **Nễ Đạt Dã Dī Ca** Tôn Giả (Nandi-dhyāyika), **Ồ Ba Dī Ca** Tôn Giả (Upāyika), **Ồ Ba Nại Dī Ca** Tôn Giả (Upayāyika), **Thất Lý Dã Sa** Tôn Giả (Śreyasa), **Ca Nại La** Tôn Giả (Kadra), **Vĩ Dũ Bồ Đát La** Tôn Giả (Vyomalla-putra), **Thâm Tài** Tôn Giả (Upadravya), **Ồ Bế Đa** Tôn Giả (Upeta), **Kiền Noa** Tôn Giả (Khaṇḍa), **Đề Sa** Tôn Giả (Tiṣya), **Ma Hạ Đề Sa** Tôn Giả (Mahā-tiṣya), **Tam Mãn Đa Đề Sa** Tôn Giả (Samanta-tiṣya), **A Tha Dã Năng** Tôn Giả (āhvayana), **Đắc Xung** Tôn Giả (Yasoda), **Danh Xung** Tôn Giả (Yasika), **Hữu Tài** Tôn Giả (Dhanika), **Tài Hải** Tôn Giả (Dhanavarṇa), **Đa Tài** Tôn Giả (Upadhanika), **Tất Na Phộc Tha** Tôn Giả (Pilindavaśa), **Tinh Già La** Tôn Giả (Pippala), **Kim Pha La** Tôn Giả (Kimphala), **Đa Quả** Tôn Giả (Upaphala), **Vô Biên Quả** Tôn Giả (Ananta-phala), **Chính Quả** Tôn Giả (Saphala), **Đồng Tử** Tôn Giả (Kumāra), **Đồng Tử Ca Diệp** Tôn Giả (Kumāra-kāśyapa), **Ma Hộ Na** Tôn Giả (Mahoda), **Số Noa Xá Phộc Lăng Nghĩ Ca** Tôn Giả (Ṣoḍaśavartikā), **Nan Hoan Hỷ Na Năng** Tôn Giả (Nanada), **Thâm Hỷ** Tôn Giả (Upananda), **Nhằm Ma Tế Năng** Tôn Giả (Jihva-jihma), **Giáng Ma** Tôn Giả (Jita-pāśa), **Ma Hứ Thấp Phộc Sa** Tôn Giả (Maheśvāsa), **Phộc Thiết Ca** Tôn Giả (Vātsīka), **Câu Lỗ Câu La** Tôn Giả (Kurukulla), **Ồ Ba Câu Lỗ Câu La** Tôn Giả (Upakurukulla), **Câu Chi Ca La Noa** Tôn Giả (Koṭī-karṇa), **Thất La Phộc Noa** Tôn Giả (Śramaṇa), **Tổ Lỗ Ba La Đa Ca** Tôn Giả (Śronīparāntaka), **Ngưỡng Nghĩ Dã Ca** Tôn Giả (Gāṅgeyaka), **Nghĩ Lý Ca Lý Ni** Tôn Giả (Girikarṇika), **Ca Câu Chi Ca Lý Ni Ca** Tôn Giả (Koṭī-karṇika), **Phộc**

Lý Sử Ca Tôn Giả (Vāṛṣika), **Tế Đa** Tôn Giả (Jeta), **Tổ Nhĩ Đa** Tôn Giả (Sujeta), **Cát Tường Mật** Tôn Giả (Śrī-gupta), **Thế Mật** Tôn Giả (Loka-gupta), **Sur Mật** Tôn Giả (Guru-gupta), **Ngu Lỗ Ca** Tôn Giả (Guruka), **Nhũ Đễ La Sa** Tôn Giả (Dyotīrasa), **Nga My Ca** Tôn Giả (Sanaka), **Hạ Di Ca** Tôn Giả (Ḍimbhika), **Đô Sa Nhãm Di Ca** Tôn Giả (Upaḍimbhika), **Vĩ Sa Câu Chi Ca** Tôn Giả (Visakoṭika), **A Năng Phệ Na** Tôn Giả (Anāthada), **Ô Ba Phộc Lý Đa Năng** Tôn Giả (Upavartana), **Vĩ Phộc Lý Đa Năng** Tôn Giả (Vivartana), **Ô Ma Đa Ca** Tôn Giả (Unmattaka), **Nhũ Đa** Tôn Giả (Dyota), **Tam Mãn Đa** Tôn Giả (Samanta), **Bạt Na La** Tôn Giả (Bhaddali), **Tô Bà Nại La Lộ** Tôn Giả (suprabuddha), **Bà Nga Đa** Tôn Giả (Svāgata), **Ô Ba Nga Đa** Tôn Giả (Upāgata), **Lộ Già Nga Đa** Tôn Giả (Lohāgata), **Khổ Tận** Tôn Giả (Duḥkhānta), **Hiền Kiếp** Tôn Giả (Bhadra-kalpika), **Đại Hiền** Tôn Giả (Mahā-bhadrika), **Sự Hành** Tôn Giả (Arthacara), **Tôn Phụ** Tôn Giả (Pitāmaha), **Nga Đễ Ca** Tôn Giả (Gatika), **Bổ Sắt Sa La** Tôn Giả (Puṣpa-māla), **Bổ Sắt Ba Ca Thi Ca** Tôn Giả (Puṣpa-kāsikha), **Ô Ba Ca Thi Ca** Tôn Giả (Upakāsika), **Đại Dược** Tôn Giả (Maha-uśadha), **Đại Phước Đức** Tôn Giả (Mahojaska), **Ma Hộ Nhạ** Tôn Giả (Mahoja), **A Nỗ La Đà** Tôn Giả (Anurādha), **La Phệ Ca** Tôn Giả (Rādhaka), **La Thi Ca** Tôn Giả (Rāsika), **Chính Phạm** Tôn Giả (Subrahma), **Thích Duyệt** Tôn Giả (Suśobhana), **Chính Thế** Tôn Giả (Suloka), **Biển Diệu** Tôn Giả (Samāgama), **Chính Diệu** Tôn Giả (Mita)... Tôn Giả như vậy ở vô biên Pháp Giới thấu ngộ vị Giải Thoát, tu **Hạnh của Ba Thừa**, được **Quả Tiểu Thừa** (Hīna-yāna-phala), thực hành **bốn Vô Lượng Quán** (Catvāry-apramāṇāni), **ba Giải Thoát** (Trimokṣa), đầy đủ Uy Nghi, chặt đứt hẳn **Luân Hồi** (Saṃsāra), thân tâm thanh tịnh, trụ cõi Niết Bàn... thấy đều bình đẳng, tất cả không có ngăn ngại, đi đến chỗ Tập Hội của Đức **Đại Mâu Ni** trên Trời Tịnh Quang, nghe Pháp

_Lại có vô số Tôn Giả **Đại Bất Sô Ni** đều chứng Niết Bàn, quán tướng Chính Đạo, phóng ánh sáng Trí Tuệ, trong sạch lìa Dục, luôn ở nước Phật gom chứa Đức không cùng tận, Người Trời cúng dường làm Ruộng Phước to lớn, ở trong Thế Gian là thù thắng bậc nhất. Bình đẳng hưng khởi lòng yêu thương giúp đỡ cho hết thảy loài hai chân, bốn chân, nhiều chân, không có chân... đều được lợi lạc. Ấy là: **Gia Thù Đà La** Tôn Giả (Yaśodharā), **Gia Thù** Tôn Giả (Yaśodā), **Ma Hạ Bát La Nhạ Bát La** Tôn Giả (Mahā-prajāpatī), **A Nan Đa** Tôn Giả (?Anantā), **Tô Nhạ Đa** Tôn Giả (Sujātā), **Nan Na** Tôn Giả (Nandā), **Tốt Thổ La Na** Tôn Giả (Sthūlanandā), **Tô Nan Na** Tôn Giả (Sunandā), **Địa Dã Dī Nễ** Tôn Giả (Dhyāyini), **Tôn Na Lý** Tôn Giả (Sundarī), **Vĩ Xá Khur** Tôn Giả (Viśākhā), **Ma Noa La Tha** Tôn Giả (Manorathā), **Nhạ Dã Phộc Đễ** Tôn Giả (Jayavatī), **Vĩ La** Tôn Giả (Vīrā), **Nĩ Phộc Đa** Tôn Giả (Devatā), **Tô Nĩ Phộc Đa** Tôn Giả (Sudevātā), **A Ngật La Ca** Tôn Giả (Āsritā), **Thất Lý Dã** Tôn Giả (Śriyā), **Bát La Phộc La** Tôn Giả (Pravarā), **Bát La Bát Lý Diệm Phộc Na** Tôn Giả (Pramuditā- priyaṃvadā), **Lỗ Hứ Ni** Tôn Giả (Rohiṇī), **Hộ Quốc** Tôn Giả (Dhṛtarāṣṭrā), **Hộ Chủ** Tôn Giả (Dhṛtā-svāmikā), **Tam Ma Na** Tôn Giả (Sampadā), **Phộc Bồ Sa** Tôn Giả (Vapuṣā), **Thất La Đà** Tôn Giả (Śruddha), **Bát Lý Ma** Tôn Giả (Premā), **Đầu Kế** Tôn Giả (Jaṭā), **Diệu Kế** Tôn Giả (Upajāṭā), **Phổ Kế** Tôn Giả (Samanta-jaṭā), **Đoạn Luân Hồi** Tôn Giả (Bhavāntikā), **Diệu Quán** Tôn Giả (Bhāvātī), **Ý Tốc** Tôn Giả (Manojavā), **Kế Xá Phộc** Tôn Giả (Keśavā), **Vĩ Sắt Nữ La** Tôn Giả (Viṣṇulāṃ), **Vĩ Sắt Nữ Mật Đễ** Tôn Giả (Viṣṇu-vatī), **Diệu Ý** Tôn Giả (Sumanā), **Đa Ý** Tôn Giả (Bahu-matā), **Tăng Ích** Tôn Giả (Śreyasī), **Ly Khổ** Tôn Giả (Duḥkhāntā), **Tác Nghiệp** Tôn Giả (Karmadā), **Nghiệp Quả** Tôn Giả (Karma-phala), **Tối Thắng** Tôn Giả (Vijaya), **Tôn Thắng** Tôn Giả (Jaya), **Phộc Sa Phộc** Tôn Giả (Vāsava), **Thiên** Tôn Giả (Vasudā), **Pháp Thí** Tôn Giả (Dharmadā), **Pháp Đảm Một La** Tôn

Giả (Narmadā tāmra), **Bà Đám Một La** Tôn Giả (Sutāmra), **Đại Xung** Tôn Giả (Kīrtivatī), **Đại Ý** Tôn Giả (Manovatī), **Hoan Hỷ** Tôn Giả (Prahāsītā), **Siêu Tam Giới** Tôn Giả (Tribhavāntā), **Ly Tam Độc** Tôn Giả (Trimalāntā), **Trừ Khử Khổ Nao** Tôn Giả (Duhkhaśāyikā), **Nễ Lý Vĩ Noa** Tôn Giả (Nirvīṇā), **Tam Sắc** Tôn Giả (Triparṇā ?Trivarna), **Liên Hoa Sắc** Tôn Giả (Padma-varṇā), **Đại Liên Hoa** Tôn Giả (Padmāvatī ?Mahā-padma), **Liên Hoa Quang** Tôn Giả (Padma-prabhā), **Liên Hoa** Tôn Giả (Padma), **Bát Nại Ma Phộc Đễ** Tôn Giả (Padmāvatī), **Tam Tướng** Tôn Giả (Triparṇī ?Trivarnī), **Thất Sắc** Tôn Giả (Sapta-varṇī), **Ưu Bát La Sắc** Tôn Giả (Utpala-varṇā)... Nhóm Đại Tôn Giả Thanh Văn Bát Sô Ni như vậy đều đến chỗ của Đức Phật, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Phật, tùy vui với Thân Thông của Bồ Tát, nguyện nghe Chân Ngôn Pháp Cú, rồi ngồi an lành trong Đại Chúng

_Bấy giờ, Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni quán Tâm Ý của tất cả Đại Chúng ấy có Tính thanh tịnh lìa các nhiễm, giống như hư không vượt qua ba cõi, rồi bảo Diệu Cát Tường Đồng Tử rằng: “Nay ông hãy nghe cho kỹ! Nay Diệu Cát Tường! Ông tu **Bồ Tát Hạnh**. Phật nói **Nghiệp Quả Karma-phala) Chân Ngôn Hạnh Nghĩa** (Mantra-caryārtha) tùy theo chỗ ý ưa thích đều khiến cho ông được **Pháp Cú** (Dharma-pada), **Nghiệp Cú** (Karma-pada), **Tức Tai Cú** (Śānti-pada), **Giải Thoát Cú** (Mokṣa-pada). Chỉ thực hành **bình đẳng** (Samatā), đừng sinh nghi ngờ, cũng được **Thập Lực, Phổ Lực, Đại Lực** của Như Lai. Hay giảng phục Ma Oán, tên là **Bồ Tát Tam Ma Địa Như Như Quán Sát** (Bodhisatva-samādhiṃ bhāvayatha)

Khi ấy, Diệu Cát Tường Đồng Tử nhập vào Tam Ma Địa. Dùng Thần Lực của mình chấn động trăm ngàn vi trần số ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, ánh sáng lớn chiếu khắp.

Lúc đó, Đức Như Lai nói Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đá một đà nam, ma bà phộc sa-phộc bà phộc, tam mãn nga đá nam

Năng mặc bát-la đất-dã ca một đà dã, thất-la phộc ca xá

Năng mô mao địa tát đất-phộc nam, nại xá bộ nhĩ, bát-la đễ sát-si đễ sa-phộc la noa, mao địa tát đất-phộc nam, ma hạ tát đất-phộc nam

Đất nễ-dã tha: Án, khur khur, khur hứ khur hứ, nỗ sát-trá tát đất-phộc nại ma ca, a tát, mur sa la, ba la thú, ba xá, hạ tát-đá, tả đồ lý-bộ nhạ, tả đồ lý-mục khur, sa nhập-phộc la noa, nga tha nga tha, ma hạ vĩ cận-năng, già đá ca, vĩ cật-ly đá năng năng, tát lý-phộc bộ đá, bà diệm ca la, a trá trá hạ sa, năng ni nễ, vĩ-dã già-la tả lý-ma nễ, phộc tát năng, câu lỗ, tát lý-phộc ca lý-hàm, thể na thể na, tát lý-phộc mãn đất-la, tần na tần na, ba la mầu nại-la ma ca lý-sa, tát lý-phộc bộ đán, nễ lý-ma tha, nễ lý-ma địa, tát lý-phộc thể sắt-tráng, bát-la phệ xá dã, bát-la phệ xá dã, mạn noa la, mặt địa-dã, phệ phộc thập-phộc đá, nhĩ vĩ đất đá la, câu lỗ câu lỗ, ma ma, ca lý-diệm, na hạ na hạ, bát tả bát tả, ma vĩ lăng phộc, ma vĩ lăng phộc, tam ma dã mặt đồ sa-ma la, hồng hồng, phá trá phá trá, tát-phổ trá dã, tát-phổ trá dã, tát-phổ trá dã, tát lý-phộc xá ba lý bộ la ca, hứ hứ bà nga tông, khần tức la dã tát, ma ma, tát lý-phộc la-thải, sa đà dã, sa-phộc hạ”

*) **Namaḥ samantabuddhānāṃ abhāvasvabhāvasamudgatānāṃ**

Namaḥ pratyekabuddhaddhāryaśrāvakaṇāṃ

Namo bodhisattvānāṃ daśabhūmipraṭiṣṭhiteśvarāṇāṃ bodhisattvānāṃ mahāsattvānāṃ

Tadyathā: Om_ khakha khāhi khāhi duṣṭa sattva damaka_ Asi musala paraśu pāśa hasta caturbhujā caturmukha ṣaṭcaraṇa gaccha gaccha mahāvighna-ghātaka vikṛtānana sarva-bhūta-bhayaṅkara aṭṭa-hāsa-nādine vyāghra-carmani-vasana kuru kuru sarva-karmāṃ, chinda chinda sarva-mantrān, bhinda

bhinda paramudrām, ākarṣaya ākarṣaya sarva-mudrām, nirmatha nirmatha sarva-duṣṭān, praveśaya praveśaya maṇḍala-madhye, vaivasvatānta-kara kuru kuru mama kāryam, daha daha paca paca mā vilamva mā vilamva samayam-anusmara hūm hūm phaṭ phaṭ, sphoṭaya sphoṭaya sarvāsāpāripūraka, he he bhagavan kiṃcirāyasi mama sarvārthān sādahaya svāhā

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn này xong, thời Diêu Cát Tường Đồng Tử hóa làm vị Đại Phần Nộ Minh Vương tên là **Diêm Mạn Đức Ca** (Yamāntaka). Nhóm **Diêm Ma Vương** (Yama-rāja) kia rất u kinh sợ huống chi là người khác. Rồi tự mình đứng ở trước mặt Đức Thế Tôn.

Lúc đó, chúng sinh trong Đại Hội thấy vị Phần Nộ Minh Vương này đều run rẩy kinh sợ, Tâm sinh lo lắng buồn rầu rồi tác niệm này: “Không có ai khác để quy mệnh, không có ai khác để xin thương xót, không có ai khác làm Chủ Tể được, chỉ có Đức Phật Thế Tôn. Nguyên xin rữ thương cứu giúp”

Tác niệm này xong. Bảy giờ, hết thấy Mẫu Hộ Lý Đa vô biên Thế Giới, bốn góc, phương trên, phương dưới: Loài sinh từ bào thai, loài sinh từ trứng, loài sinh ở nơi ẩm thấp, loài hóa sinh, loài ở trên hư không, loài ở dưới nước, loài ở trên bờ, tất cả có Duyên.... ở khoảng sát na đều đến tập hội

Bảy giờ Đại Phần Nộ Minh Vương tự ban cáo sắc rằng: “Nếu **Đà La Ni Pháp Cú** này ở trước tượng Phật, trong tháp Xá Lợi, nơi cúng dường Kinh Pháp với trước mặt người thanh tịnh lìa Dục... thì có thể đọc tụng. Nếu ở trước mặt người ham muốn tình dục mà trì Chân Ngôn này thì người ấy chẳng bao lâu, thân thể sẽ bị khô gầy rồi mau bị chết

Nếu muốn cầu việc thì chẳng được trì tụng ở chỗ ồn ào náo loạn. Ý ấy thế nào? vì người trì Pháp, Tâm chẳng thanh tịnh, sau đó bị nạn lớn đáng sợ, ắt bị chết

Đức Phật Thế Tôn, Bồ Tát Ma Ha Tát khởi Bi Mẫn tối thượng, một hướng thực hành Pháp khiến cho các chúng sinh đều vào **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarva-jñā-jñāna), an trụ con mắt Pháp, đến bờ Niết Bàn, thông đạt ba Thừa, chẳng đứt đoạn Tam Bảo. Lại dùng sức Đại Bi nói Chân Ngôn Chú giảng phục Ma Vương, phá hoại chướng ngại, xa lìa việc ác, tăng ích cát tường.

Như lại có người mê muội té ngã rồi được tỉnh lại. Hoặc thân thể bị bệnh gây yếu được điều phục vui sướng, sống lâu không có bệnh, tăng thêm phú quý, thành tựu việc của mình. Đức Như Lai Đại Từ Đại Bi Đại Hỷ Đại Xả, đầy đủ Uy Nghi nói Chân Ngôn Hạnh này vì tất cả **Nhân** (Hetu) thù thắng, dùng nên nghi ngờ

Bảy giờ, lại có **Long** (Nāga:Rồng), **Đại Long** (Mahā-nāga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **Đại Dạ Xoa** (Mahā-yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Tỳ Xá Tả** (Piśāca), **Đại Tỳ Xá Tả** (Mahā-piśāca), **Bố Đan Na** (Pūtana), **Ca Tra Bố Đan Na** (Kaṭapūtana), **Đại Ca Tra Bố Đan Na** (Mahā-kaṭapūtana), **Ma Đa Lỗ** (Māruta), **Đại Ma Đa La** (Mahā-māruta), **Cung Bạ Noa** (Kumbhaṇḍa), **Đại Cung Bạ Noa** (Mahā-kumbhaṇḍa), **Vĩ-Dã Noa** (Vyāḍa), **Đại Vĩ-dã Noa** (Mahā-vyāḍa), **Phệ Đa Noa** (Vetāḍa), **Đại Phệ Đa Noa** (Mahā-vetāḍa), **Ca Mạo Nhạ** (Kamboja), **Bà Nghệ Đô-Dụ** (Bhaginyo), **Đại Bà Nghệ Đô-Dụ** (Mahā-bhaginyo), **Noa Chỉ Nễ-Dụ** (Ḍakinyo), **Đại Noa Chỉ Nễ-Dụ** (Mahā-ḍakinyo), **Tổ Sử Ca** (Cūṣakā), **Đại Tổ Sử Ca** (Mahā-cūṣakā), **Ổ Sa Đá La Ca** (Utsārakā), **Đại Ổ Sa Đá La Ca** (Mahotsārakā), **Nhân Thí Ca** (Ḍimphikā), **Đại Nhân Thí Ca** (Mahā-ḍimphikā), **Khẩn Ba Ca Lỗ Nga** (Kimpakā-rogā), **Đại Khẩn Ba Ca Lỗ Nga** (Mahā-kimpakā-rogā), **A Ba Sa Ma La** (Apsmārā), **Đại A Ba Sa Ma La** (Mahā-apsmārā), **Nga La Hạ** (grahā), **Đại Nga La Hạ** (Mahā-grahā), **A Ca Xá Ma Đá Lỗ** (Ākāśa-mātara), **Đại A Ca Xá Ma Đá Lỗ** (Mahākāśa-mātara), **Lỗ Bé Noa** (Rupiṇi), **Đại Lỗ Bé Noa** (Mahā-rupiṇi), **Vĩ Lỗ Bé Noa** (Virupiṇi), **Đại Vĩ Lỗ Bé Noa**

(Mahā-rupiṇi), **Cật Lan Na Năng** (krandanā), **Đại Cật Lan Na Năng** (Mahā-krandanā), **Tha Dã** (Chāyā), **Đại Tha Dã** (Mahā-chāyā), **Tất Lý Sa Ca** (Preṣakā), **Đại Tất Lý Sa Ca** (Mahā-preṣakā), **Khẩn Ca La** (Kiṅkarā), **Đại Khẩn Ca La** (Mahā-kiṅkarā), **Dược Sát Noa** (Yakṣiṇya), **Đại Dược Sát Noa** (Mahā-yakṣiṇya), **Nhập Phộc La** (Jvarā), **Đại Nhập Phộc La** (Mahā-jvarā), **Tả Đồ Lý Tha Ca** (Cāturthakā), **Đại Tả Đồ Lý Tha Ca** (Mahā-cāturthakā), **Nễ Đát-Dã Nhập Phộc La** (Nitya-jvarā), **Vĩ Sa Ma Nhập Phộc La** (viṣama-jvarā), **Xá Đá Nễ Ca** (Sātatikā), **Mô Đát Lý Đễ Ca** (Mauhūrtikā), **Phộc Đễ Ca** (Vātikā), **Bái Đễ Ca** (Paittikā), **Thất Ni Sáp Bế Ca** (Śleṣmikā), **Phiến Đễ Ba Túc Tả** (sānnipātikā), **Túc Tả** (Vidyā), **Đại Túc Tả** (Mahā-vidyā), **Tất Đà** (Siddhā), **Đại Tất Đà** (Mahā-siddhā), **Dụ Nghệ Năng** (Yogin), **Đại Dụ Nghệ Năng** (Mahā-yogin), **Tiên Nhân** (Ṛṣi), **Đại Tiên Nhân** (Mahā-ṛṣi), **Khẩn Năng La** (Kiṅkara), **Đại Khẩn Năng La** (Mahā-kiṅkara), **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga), **Đại Ma Hộ La Nga** (Mahā-mahoraga), **Kiên Đạt Bà** (Gandharva), **Đại Kiên Đạt Bà** (Mahā-gandharva), **Thiên** (Deva:Trời), **Đại Thiên** (Mahā-deva), **Nhân** (Manuṣya:Người), **Đại Nhân** (Mahā-manuṣya), **Tụ Lạc** (Janapada:Thôn xóm), **Đại Tụ Lạc** (Mahā-janapada), **Hải** (Sāgara:biển), **Đại Hải** (Mahā-sāgara), **Hà** (Nadi:con sông), **Đại Hà** (Mahā-nadi), **Sơn** (Parvata:núi), **Đại Sơn** (Mahā-parvata), **Khố Tạng** (Nidhaya), **Đại Khố Tạng** (Mahā-nidhaya), **Địa** (Pṛthivi:Đất), **Đại Địa** (Mahā-pṛthivi), **Thụ** (Vṛkṣa:cái cây), **Đại Thụ** (Mahā-vṛkṣa), **Cầm** (Pakṣiṇ:loài chim), **Đại Cầm** (mahā-pakṣiṇ), **Vương** (Rājan), **Đại Vương** (Mahā-rājan), **Đế Thích** (Śakra), **Đại Thiên** (Mahendra), **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa) với **Quỷ Chủ Lý Xá Nỗ** (Bhūtā viyati īśāna), **Diêm Ma** (Yama), **Phạm** (Brahma), **Đại Phạm** (Mahā-brahma), **Phệ Phộc Thấp Phộc Đá** (Vaivasvata), **Tài Chủ** (Dhanada), **Trì Quốc** (Dhṛtarāṣṭra), **Quảng Mục** (Virūpākṣa), **Tăng Trưởng** (Virūdhaka), **Câu Tỳ La** (Kubera), **Mãn Hiền** (Pūrṇa-bhadra), **Châu Hiền** (Maṇi-bhadra), **Bát Chi Ca** (Pañcika), **Kim Tỳ La** (Jambhala), **Câu Sắt Ma La** (Kūṣmala), **Hạ Lý Đa** (Hārīti), **Hạ Lý Chỉ Xá** (Harikeśa), **Hạ Lý Đế** (Harihārīti), **Tân Nga La** (Piṅgalā), **Tất Lý Diêm Ca La** (Priyaṅkara), **A La Tha Ca La** (Arthaṅkara), **Nhạ Lăng Nại La** (Jālandra), **Lộ Kế Nại La** (Lokendra), **Ổ Bế Nại La** (Upendra), **Bí Mật** (Guhyaka), **Tả La** (Cala), **Tả Ba La** (Capala), **Nhạ La Tả La** (Jalacara), **Sa Đá Năng** (Sātata), **Nghệ Lý** (Giri:ngọn núi), **Kim Sơn** (Hemagiri), **Đại Sơn** (Mahā-giri), **Tích Nhân** (Kūtākṣa), **Tam Đầu** (Triya-sira)...Nhu vậy lại có vô số **Đại Dạ Xoa Thú Chủ** (Mahā-yakṣa-senāpati) cùng với trăm ngàn na do tha câu chi Dạ Xoa quyền thuộc, dùng uy lực Thần Thông của Bồ Tát đều đến tập hội trong Trời Tịnh Quang để nghe Pháp

Lại có vô số **Đại La Sát Vương** (Mahā-rākṣasa-rāja) cùng với trăm ngàn na do tha câu chi La Sát quyền thuộc đi đến tập hội. Ấy là **Thập Đầu La Sát** (Rāvaṇa-rākṣasa), **Kim Sơn La Sát** (Praviṇa), **Năng Phá La Sát** (Vidrāvaṇa), **Loa Nhĩ La Sát** (Śaṅku-karṇa), **Bình Nhĩ La Sát** (Kumbha-karṇa), **Phổ Nhĩ La Sát** (Samanta-karṇa), **Diêm Ma La Sát** (Yama), **Ác Tướng La Sát** (Vibhīṣaṇa), **Xú Ác La Sát** (Ghora), **Đại Ác La Sát** (Mahā-ghora), **Thâm Ác La Sát** (Sughora), **A Xoa La Sát** (Yakṣa), **Diêm Ma Chung La Sát** (Yama-ghaṇṭa), **Án Nại La Nhĩ La Sát** (Indrajit), **Lộ Ca Nhĩ La Sát** (Lokaji), **Dũng Mãnh La Sát** (Yodhana), **Đại Dũng Mãnh La Sát** (Suyodhana), **Xoa La Sát** (Śūla), **Tam Xoa La Sát** (Trisūla), **Tam Đầu La Sát** (Trisira), **Vô Biên Đầu La Sát** (Ananta-sira)... đến trong Đại Chúng để nghe Pháp

Lại có vô số **Đại Tỳ Xá Tả** (Mahā-piśāca) cùng với trăm ngàn na do tha câu chi quyền thuộc là: **Bế Nỗ Tỳ Xá Tả** (Pīlu-piśāca), **Ổ Ba Bế Nỗ Tỳ Xá Tả** (Upapīlu), **Tô**

Bé Nỗ Tỳ Xá Tả (Supilū), **Vô Biên Bé Nỗ** Tỳ Xá Tả (Ananta-pilū), **Ý Nguyệt** Tỳ Xá Tả (Manoratha), **Vô Nguyệt** Tỳ Xá Tả (Amanoratha), **Cực Nảo** Tỳ Xá Tả (Sutāya), **Chấp Trì** Tỳ Xá Tả (Grasana), **Tô Đà Ma** Tỳ Xá Tả (Sudhāma), **Ác** Tỳ Xá Tả (Ghora), **Ác Hình** Tỳ Xá Tả (Ghora-rūpi)... đều đến tập hội để nghe Pháp

Lại có vô số **Đại Long Vương** (Mahā-nāgarāja) cùng với trăm ngàn na do tha câu chi quyền thuộc, dùng sức Uy Thần của Minh Vương cũng đến tập hội. Ấy là: **Nan Đà Long Vương** (Nanda-Nāga-rāja), **Ô Ba Nan Đà Long Vương** (Upananda), **Kiểm Mạt La Long Vương** (Kambala), **Ô Ba Ca Mạt La Long Vương** (Upakambala), **Phộc Tô Chỉ Long Vương** (Vāṣuki), **Vô Biên Long Vương** (Ananta), **Đắc Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka), **Liên Hoa Long Vương** (Padma), **Đại Liên Hoa Long Vương** (Mahā-padma), **Tăng Già Ba La Long Vương** (Saṅkha-pāla), **Thương Già Long Vương** (Śaṃkha), **Thương Già Ba La Long Vương** (Śaṃkha-pāla), **Yết Câu Tra Ca Long Vương** (Karkoṭaka), **Câu Lệ Ca Long Vương** (Kulika), **A Lệ Ca Long Vương** (Akulika), **Ma Ni Long Vương** (Māṇa), **Ca La Thú Na La Long Vương** (Kalaśoda), **Câu Lệ Thi Ca Long Vương** (Kulisika), **Tán Bé Dã Long Vương** (Cāṃpeya), **Ma Ni Năng Nga Long Vương** (Maṇināga), **Ma Na Bà Nhạ Long Vương** (Mānabhañja), **Noa Cúng La Long Vương** (Dukura), **Ô Ba Noa Cúng La Long Vương** (Upadukura), **Lạc Câu Tra Long Vương** (Lakoṭa), **Sa Phệ Đa Long Vương** (Śveta), **Sa Phệ Đa Bà Nại La Long Vương** (Śveta-bhadra), **Nễ La Long Vương** (Nīla), **Nễ La Một La Long Vương** (Nīlāmbuda), **A Ba La La Long Vương** (Apālā), **Hải Long Vương** (Sāgara), **Đại Hải Long Vương** (Upasāgara)... đều ngồi một bên để nghe Pháp.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG BỒ TÁT TẶNG
VĂN THÙ SỰ LỢI CĂN BẢN NGHI QUỸ
QUYỂN THỨ HAI (Hết)